

Số: 200815/CV-FCM

Hà Nam, ngày 14 tháng 08 năm 2020

V/v: Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài  
chính hợp nhất soát xét giữa niên độ thay  
đổi 10% so với cùng kỳ năm trước

**Kính gửi:**

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
- QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ vào số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất đã được soát xét bởi công ty Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 có sự biến động so với cùng kỳ năm trước. Công ty cổ phần khoáng sản FECON (Mã cổ phiếu: FCM) xin được giải trình như sau:

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Chênh lệch	
			Trị giá	%
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>272.823.079.355</b>	<b>397.663.962.675</b>	<b>-124.840.883.320</b>	<b>-31%</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>272.823.079.355</b>	<b>397.663.962.675</b>	<b>-124.840.883.320</b>	<b>-31%</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	232.025.023.811	341.616.192.632	-109.591.168.821	-32%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>40.798.055.544</b>	<b>56.047.770.043</b>	<b>-15.249.714.499</b>	<b>-27%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	273.293.115	410.010.880	-136.717.765	-33%
7. Chi phí tài chính	6.838.875.457	8.873.326.399	-2.034.450.942	-23%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>6.823.755.350</i>	<i>8.683.296.437</i>	<i>-1.859.541.087</i>	<i>-21%</i>
8. Chi phí bán hàng	1.104.372.054	1.604.631.300	-500.259.246	-31%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.217.634.892	14.900.400.004	-6.682.765.112	-45%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>24.910.466.256</b>	<b>31.079.423.220</b>	<b>-6.168.956.964</b>	<b>-20%</b>
11. Thu nhập khác	668.437.728	1.539.464.371	-871.026.643	-57%
12. Chi phí khác	96.416.172	-151.009.768	247.425.940	-164%
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>572.021.556</b>	<b>1.388.454.603</b>	<b>-816.433.047</b>	<b>-59%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>25.482.487.812</b>	<b>32.467.877.823</b>	<b>-6.985.390.011</b>	<b>-22%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.816.476.306	5.481.828.007	-665.351.701	-12%
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>20.666.011.506</b>	<b>26.986.049.816</b>	<b>-6.320.038.310</b>	<b>-23%</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	20.276.801.155	24.278.303.674	-4.001.502.519	-16%
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng không kiểm soát	389.210.351	2.707.746.142	-2.318.535.791	-86%



**Nguyên nhân chênh lệch: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng 2020 giảm 23% so với cùng kỳ năm trước là do:**

- Doanh thu hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 giảm 124,8 tỷ đồng, tương ứng giảm 31% so với quý cùng kỳ năm trước chủ yếu là do tình hình dịch bệnh SARS-CoV2 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng nặng nề đến tình hình kinh tế toàn cầu. Tại Việt Nam, các dự án lớn đều dừng thi công theo chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ cách ly toàn xã hội. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu của công ty sụt giảm, dẫn đến giảm lợi nhuận sau thuế.
- Chi phí giá vốn giảm 32% tương ứng theo doanh thu, ngoài ra 6 tháng đầu năm 2020 Công ty mẹ trích lập dự phòng giảm giá đối với hàng tồn kho 2 tỷ đồng.
- Bằng công văn này Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin được giải trình với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, các quý cổ đông và nhà đầu tư được biết.

**Trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- Lưu VP.



**Phạm Trung Thành**